TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Ông Trần Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phí Thị L, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đức P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 18-4-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phí Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị và anh P chung sống cùng gia đình anh P tại tổ dân phố N, phường M, quận Đ. Trong quá trình chung sống, anh P thường xuyên rượu chè, cờ bạc nên vợ, chồng chị xảy ra mâu thuẫn, xích mích; anh P thường

chửi bới, xúc phạm chị và đuổi chị đi. Mặt khác, anh P cũng ham chơi, không chịu làm ăn để chăm lo cho gia đình, vợ, con, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình chị đều phải lo liệu. Mặc dù chị đã cố gắng, gia đình hai bên cũng giúp tác động nhưng anh P vẫn không thay đổi, tình trạng hôn nhân của chị và anh P không những không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2020, chị đã chuyển ra ngoài ở, không còn sống với anh P nữa. Trong thời gian này, chị vẫn chu cấp tiền ăn, học cho các con. Anh P thường xuyên lấy lý do gây áp lực để chị phải đưa tiền cho anh P. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Đến khoảng cuối tháng 5-2020, chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Thanh Hóa ở cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 26-8-2011 và Bùi Đức Gia B, sinh ngày 10-9-2015. Chị nhận nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị tự thỏa thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23-6-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P có lời khai thống nhất với chị L về điều kiện, hoàn cảnh và thời gian kết hôn. Theo anh P, trong quá trình chung sống, anh và chị L có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nhưng không lớn. Nguyên nhân chủ yếu là do giữa 2 bên có sự khác biệt về lối sống, cụ thể là do chị L đi làm về nhưng thường thích đi chơi với bạn, không về nhà ngay hoặc nhiều khi được nghỉ chị L cũng không ở nhà chơi với con mà thường đi chơi với bạn; anh có nói chuyện với chị L về việc này và yêu cầu chị L thay đổi, bớt đi chơi với bạn để về nhà chăm sóc con nhưng chị L không nghe, chuyện bé xé ra to khiến vợ chồng mâu thuẫn thêm. Vì vậy, chị L đã chuyển ra ngoài sống ly thân với anh. Anh có đến tìm và thuyết phục chị L về nhưng chị L không chấp nhận rồi chuyển về tỉnh Thanh Hóa ở cùng với bố, mẹ đẻ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho anh và chị L đoàn tụ với nhau để cùng nuôi dạy con cái. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 26-8-2011 và Bùi Đức Gia B, sinh ngày 10-9-2015. Anh nhận nuôi hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được xác định: Trong quá trình chung sống, chị L và anh P có xảy ra mâu thuẫn; đến đầu năm 2020, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, chị L chuyển ra ngoài sống ly thân với anh P. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ kinh tế gia đình, anh P không có công việc, thu nhập ổn định, không phụ giúp chị L về kinh tế để chi tiêu trong gia đình và chăm lo cho con. Do đó, chị L và anh P thường xuyên cãi vã nhau. Mặc

dù gia đình hai bên đã nhiều lần tác động để khắc phục tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh P nhưng đến nay không có kết quả. Từ đầu năm 2020 đến nay, chị L và anh P đã sống ly thân, cháu L và cháu B ở cùng với anh P và bố, mẹ anh P, chị L vẫn chu cấp cho ông, bà nuôi con. Anh P mới xin được việc làm lái xe taxi, thu nhập khoảng từ 6.000.000 đến 7.000.000 đồng/tháng. Bố, mẹ anh P có điều kiện và rất quan tâm, chăm sóc chu đáo cho cháu L và cháu B.

Do chị L đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Anh P vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh P theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu về ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn anh P; giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu B cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Bùi Đức P, cư trú tại: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phí Thị L và bị đơn là anh P vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh P.

Về hôn nhân:

[3] Chị L và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 20-4-2009. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Trong quá trình chung sống, chị L và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do anh P ham chơi, không chăm lo cho gia đình và các con. Mặc dù chị L đã chịu đựng, cố gắng khắc phục tình trạng hôn nhân và được hai bên gia đình tác động, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P ngày càng trầm trọng hơn. Chị L và anh P sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Trong quá trình sống ly thân, chị L và anh P không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Anh P có đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng lại vắng mặt tại phiên hoà giải, cho thấy anh P không có thiện chí cứu vãn quan hệ hôn nhân. Mặt khác, anh P cũng đồng ý ly hôn chị L nếu chị L kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, chị L và anh P đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung là Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 26-8-2011 và Bùi Đức Gia B, sinh ngày 10-9-2015. Chị L và anh P đều nhận nuôi cả hai con. Xét thấy, trong thời gian chị L và anh P sống ly thân, cháu L và cháu B chung sống ổn định cùng bố, mẹ anh P, được chăm sóc chu đáo; hiện nay, chị L và anh P đều có nơi cư trú ổn định, có thu nhập nhưng không đủ đảm bảo nuôi cả hai con; cháu L trên 07 tuổi có nguyện vọng ở cùng chị L. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu B cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân s ự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh P đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phí Thị L được ly hôn anh Bùi Đức P.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 (*Mười tám*) tuổi; giao cháu Bùi Đức Gia B, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2015 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị L và anh P có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0009647 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Minh Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Sự **Trần Văn Hợp** **Vũ Trọng Đạt**